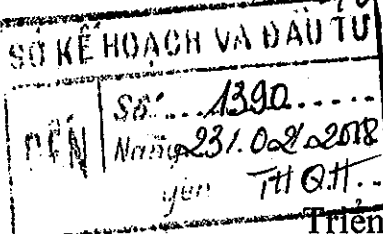


Số: 18 /BC-UBND

KonTum, ngày 13 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO

Giám sát đánh giá tổng thể đầu tư năm 2017



Triển khai Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát đánh giá đầu tư; Thông tư số 22/2015/TT-BKH ngày 18/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước; Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2017 với những nội dung như sau:

I. Tình hình ban hành các văn bản hướng dẫn các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư theo thẩm quyền:

Trong năm 2017, việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư nói chung, xây dựng cơ bản nói riêng của tỉnh Kon Tum vẫn còn gặp khó khăn, Chính phủ thất chặt đầu tư công, nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh còn hạn chế; hơn nữa Kon Tum là một tỉnh nghèo, nguồn ngân sách địa phương còn nhiều khó khăn... Do vậy, nguồn vốn đầu tư bố trí cho các dự án còn hạn hẹp (*chủ yếu là nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương*), chưa đảm bảo để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu tư, các sở, ban, ngành, các đơn vị chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan trên địa bàn Tỉnh đã chấp hành nghiêm túc theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, các nghị định, thông tư hướng dẫn về quản lý đầu tư xây dựng... Trên cơ sở đó, để tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quản lý đầu tư xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành các Văn bản số 3179/UBND-KT ngày 20/12/2016 về việc giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện một số nội dung trong quản lý dự án đầu tư, Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 về việc ban hành Quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum...

Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị, các chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ; Thông tư số 22/2015/TT-BKH ngày 18/12/2015; Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư⁽¹⁾. Ủy ban nhân dân tỉnh luôn chỉ đạo, chấn chỉnh các đơn vị, chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh nghiêm túc thực hiện công tác giám sát,

¹ Văn bản số 3239/UBND-HTKT ngày 01/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đánh giá đầu tư, đồng thời yêu cầu các đơn vị, các chủ đầu tư thực hiện giám sát và báo cáo đánh giá đầu tư theo quy định; trên cơ sở đó, các đơn vị, các chủ đầu tư đã từng bước nắm bắt và thực hiện tương đối tốt công tác giám sát, báo cáo đánh giá đầu tư và ngày càng đi vào nề nếp, ổn định, đạt kết quả khá khả quan.

II. Tình hình quản lý quy hoạch:

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý: Đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

2. Việc quản lý thực hiện các quy hoạch theo quy định: Cơ bản các ngành, đơn vị đã triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt. Các quy hoạch ngày càng được hoàn thiện và công tác quản lý quy hoạch ngày càng được nâng cao, có những điều chỉnh kịp thời phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

3. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết: Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch vẫn còn lúng túng, vướng mắc, bất cập... Một số nguyên nhân là do các khung pháp lý hướng dẫn công tác quy hoạch chưa đồng bộ, nội dung, chất lượng của quy hoạch đôi khi chưa phản ánh được thực trạng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Một số ngành, đơn vị chỉ quan tâm đến công tác lập quy hoạch, chưa quan tâm đúng mức đến công tác triển khai thực hiện, quản lý, kiểm tra, giám sát quy hoạch. Do vậy, cần thống nhất, đồng bộ về văn bản hướng dẫn, có chế tài kiểm tra, giám sát chặt chẽ.

III. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư:

Năm 2017, tổng kế hoạch vốn đầu tư công của tỉnh Kon Tum được giao là 1.973,92 tỷ đồng, chủ yếu nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, vốn Trái phiếu Chính phủ, giá trị giải ngân khoảng 1.475,27 tỷ đồng, đạt 74,74% so với kế hoạch được giao. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung ưu tiên nguồn vốn ngân sách địa phương để bố trí trả nợ cho các dự án hoàn thành. Dự kiến năm 2018 sẽ bố trí ngân sách địa phương để trả nợ dứt điểm 43,32 tỷ đồng số nợ xây dựng cơ bản còn lại.

Việc triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của bộ, ngành trung ương. Do vậy, không có tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư.

(Chi tiết có Phụ biểu 01 kèm theo)

IV. Tình hình quản lý các chương trình đầu tư công:

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình: Không có.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt đầu tư chương trình: Không có.

3. Tình hình thực hiện các chương trình: Việc quản lý thực hiện chương trình đảm bảo theo Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của Trung ương (*lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thành phần thuộc chương trình*), thực hiện đầu tư đến hoàn thành các dự án thuộc chương trình.

Trong năm 2017, trên địa bàn tỉnh Kon Tum thực hiện 13 chương trình (*trong đó 02 chương trình mục tiêu Quốc gia và 11 chương trình mục tiêu Trung ương*), với tổng kế hoạch vốn được giao 494,76 tỷ đồng, đã giải ngân 403,81 tỷ

đồng, đạt 81,62% so với kế hoạch vốn được giao (*kể cả nguồn vốn sự nghiệp*). Các dự án thành phần thuộc chương trình được giao cho các đơn vị chủ đầu tư, các ban quản lý dự án có năng lực để thực hiện (*có 18 chủ đầu tư thuộc 13 chương trình*). Do vậy, các dự án được triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định, theo hướng dẫn của Trung ương.

4. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết: Không có.

(Chi tiết có Phụ biểu 02 kèm theo)

V. Tình hình quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước:

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư: Việc triển khai thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư trong năm được triển khai theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. Năm 2017 trên địa bàn tỉnh Kon Tum số dự án được thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư là 113 dự án.

2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư: Công tác lập, thẩm định và phê duyệt các dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công được thực hiện đúng theo quy trình Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn của cấp trên. Các dự án đưa ra tổ chức thẩm định, phê duyệt phải được xem xét, cân nhắc kỹ về tính khả thi nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn, hiệu quả đầu tư. Kết quả năm 2017, tỉnh Kon Tum đã tổ chức thẩm định, phê duyệt 219 dự án (*trong đó có 15 dự án điều chỉnh: 07 dự án nhóm B và 8 dự án nhóm C*), chủ yếu là dự án có quy mô nhỏ sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư (*dưới 500 triệu đồng*).

3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán: Triển khai đảm bảo theo Luật Xây dựng, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác.

4. Tình hình thực hiện các dự án:

a) Việc quản lý thực hiện dự án: Nhìn chung công tác quản lý, thực hiện dự án đầu tư ở các cấp, các ngành, các đơn vị chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh Kon Tum đều đảm bảo theo quy định. Từ công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện đến thi công và bàn giao công trình vào khai thác sử dụng.

b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư:

- Số lượng dự án thực hiện đầu tư trong năm 2017 là 218 dự án, trong đó 203 khởi công mới (*chủ yếu là các dự án có quy mô nhỏ, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, sử dụng ngân sách địa phương...*) và có 15 dự án điều chỉnh chuyển tiếp. Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ đưa vào sử dụng là 148 dự án (*chủ yếu là các dự án quy mô nhỏ, cải tạo sửa chữa*).

- Số dự án chậm tiến độ thi công trong kỳ là 03 dự án. Nguyên nhân chủ yếu là do vùng thực hiện dự án ở địa hình phức tạp, thời tiết khắc nghiệt, mưa nhiều, công tác đền bù giải phóng mặt bằng còn khó khăn, việc lựa chọn các nhà thầu thực hiện dự án của một số chủ đầu tư chưa đảm bảo... làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

- Số dự án điều chỉnh là 15 dự án, chủ yếu là những dự án có tổng mức đầu tư lớn, dự án nhóm B, thời gian thực hiện kéo dài, đơn giá vật liệu, lương và chi phí nhân công thay đổi... nên làm thay đổi cơ cấu và tổng mức đầu tư dự án. Việc nội dung điều chỉnh các dự án trên, chủ yếu là rà soát cắt giảm những hạng mục công việc chưa thật sự cần thiết nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu, quy mô chủ yếu của của dự án và không làm vượt tổng mức đầu tư của dự án đã duyệt. Ngoài ra, năng lực của một số chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế, giám sát, quản lý... còn hạn chế, chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu, nên trong quá trình triển khai thực hiện còn có những phát sinh cần phải điều chỉnh.

c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: Cơ cấu các nguồn vốn được phân bổ hợp lý theo ngành, lĩnh vực và tính chất dự án đầu tư, đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa các huyện, thành phố, giữa các ngành lĩnh vực theo quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo vừa đầu tư phát triển vừa thanh toán nợ xây dựng cơ bản theo chỉ đạo của Chính phủ. Kết quả thực hiện giải ngân thanh toán các nguồn vốn được kiểm soát chặt chẽ, đúng theo chế độ, chính sách, đơn giá, định mức ban hành. Công tác giải ngân thanh toán các nguồn vốn được thực hiện đúng quy định về chế độ, chính sách, đơn giá, định mức ban hành.

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu: Các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh hầu hết được giao cho các đơn vị chủ đầu tư, các ban quản lý dự án có năng lực để thực hiện. Do vậy, các dự án được triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định về đầu tư xây dựng cơ bản.

đ) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền: Không có.

e) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền: Không có.

5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành: Các dự án sau khi đầu tư hoàn thành được bàn giao cho đơn vị sử dụng quản lý, khai thác hoặc đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phân cấp quản lý.

6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết: Không có.

(Chi tiết có Phụ biểu 03 kèm theo)

VI. Tình hình quản lý các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư:

Trong năm 2017 có 01 dự án do cơ quan nhà nước đề xuất thực hiện thủ tục (*Chợ Trung tâm huyện lỵ mới Kon Rẫy*); 01 dự án (*chuyển tiếp*) thực hiện đầu tư (*Dự án Khu dân cư Hoàng Thành, xã Đăk Cẩm, thành phố Kon Tum, triển khai thực hiện từ năm 2014*). Không có dự án nào được phê duyệt chủ trương đầu tư, đề xuất dự án đầu tư.

(Chi tiết có Phụ biểu 04 kèm theo)

VII. Tình hình quản lý các dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác:

1. Việc thực hiện thủ tục đề nghị quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Việc thực hiện thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký

áp dụng theo quy định của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và các quy định khác có liên quan.

Trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 46 dự án với tổng vốn đăng ký 1.211,025 tỷ đồng; điều chỉnh chủ trương 23 dự án; cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 03 dự án với tổng vốn đăng ký 214 tỷ đồng; cấp Giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh 08 dự án.

2. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án:

Trong tổng số 46 dự án cấp phép đầu tư năm 2017 có 09 dự án đã hoàn thành đi vào vận hành với tổng số vốn đầu tư 227,561 tỷ đồng; các dự án đầu tư còn lại đang hoàn thiện thủ tục pháp lý và triển khai xây dựng với tổng số vốn 983,464 tỷ đồng.

3. Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, góp vốn pháp định (*đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có yêu cầu phải có vốn pháp định*): Việc thực hiện tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ cơ bản đáp ứng theo tiến độ dự án. Tuy nhiên, tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ của một số nhà đầu tư vẫn còn chậm, nguyên nhân xuất phát từ tiến độ dự án chưa đáp ứng theo tiến độ dự kiến đã đăng ký.

4. Tình hình khai thác, vận hành dự án: Phần lớn các dự án được cấp phép đầu tư trong năm 2017 đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, nên chưa phát sinh lợi nhuận, các khoản nộp ngân sách của các dự án này chủ yếu từ việc đóng các loại thuế về đất đai, phí bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản... Đối với một số dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động, việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính thực hiện theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định có liên quan khác.

5. Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy định: Phần lớn các dự án sau khi được cấp phép đầu tư đang thực hiện các thủ tục về môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản... theo quy định.

6. Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Các dự án sau khi được cấp phép đầu tư, cơ bản nhà đầu tư triển khai các bước tiếp theo của dự án theo quy định. Tuy nhiên, một số dự án chưa đảm bảo tiến độ theo quy định, lý do: Thời gian thực hiện các thủ tục đất đai, môi trường, khoáng sản... kéo dài; nhà đầu tư không đảm bảo nguồn vốn để triển khai dự án; các yếu tố khách quan như tự nhiên, tình hình kinh tế thế giới khó khăn... cũng đã ảnh hưởng lớn đến tiến độ dự án.

7. Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện: Đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư phải đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư khi thực hiện hoạt động đầu tư.

8. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư: Các dự án đầu tư sau khi được cấp phép đầu tư thực hiện thủ tục ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của Luật Đầu

từ năm 2014 và các quy định hiện hành khác. Các ưu đãi chủ yếu liên quan miễn, giảm thuế đất, thuế thu nhập doanh nghiệp.

9. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý: Định kỳ thứ 5 hàng tuần Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tổ chức gặp mặt doanh nghiệp và nhà đầu tư để giải quyết các khó khăn, vướng mắc; đảm bảo dự án được triển đúng tiến độ và các nội dung quy định tại văn bản Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

(Chi tiết có Phụ biểu 05 kèm theo)

VIII. Tình hình thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư của các chủ đầu tư và cơ quan nhà nước:

1. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo: Để triển khai công tác giám sát, đánh giá đầu tư trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ban hành Văn bản số 442/UBND-KTN ngày 11/3/2010; số 68/UBND-KTN ngày 13/01/2011; số 3239/UBND-HTKT ngày 01/12/2017... tiếp tục chỉ đạo, chấn chỉnh các đơn vị, chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh nghiêm túc thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư, đồng thời yêu cầu các đơn vị, các chủ đầu tư thực hiện giám sát và báo cáo đánh giá đầu tư theo quy định.

2. Đánh giá chất lượng của các báo cáo: Trên cơ sở số liệu tổng hợp về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong năm 2017, nhìn chung các đơn vị, các chủ đầu tư thực hiện cơ bản đảm bảo các nội dung cũng như chế độ báo giám sát đánh giá đầu tư. Tuy nhiên, nội dung chất lượng báo cáo ở một số đơn vị, chủ đầu tư báo cáo chưa đảm bảo theo quy định, còn nhầm lẫn về số liệu; hạn chế việc phân tích, đánh giá tình hình đầu tư, kiến nghị vướng mắc trong quá trình thực hiện triển khai dự án...

3. Kết quả kiểm tra, đánh giá dự án đầu tư năm 2017:

- Số dự án được kiểm tra, mức độ đạt được so với kế hoạch: Số dự án đã thực hiện báo cáo, đánh giá thực hiện đầu tư trong kỳ là 170 dự án, đạt 77,98% so với dự án thực hiện đầu tư. Số dự án chủ đầu tư chưa thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư 48 dự án, chiếm 22,02% (*chủ yếu là những dự án có quy mô nhỏ, ở cấp huyện, xã, thực hiện và hoàn thành trong kỳ*).

- Số dự án được kiểm tra trong kỳ 21 dự án (*chủ yếu dự án nhóm A, B và nhóm C có quy mô lớn*).

- Các phát hiện chính sau khi kiểm tra, đánh giá các dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum thường xuyên chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát tại hiện trường một số dự án lớn của tỉnh như: Đường từ Sê San 3 đi Quốc lộ 14C, Đường Nam Quảng Nam (*đoạn tránh đèo Văn Roi*); Đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Tu Mơ Rông - Ngọc Linh... Qua đó đã chỉ đạo đơn vị chủ đầu tư tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng và sớm đưa dự án vào sử dụng.

4. Kế hoạch kiểm tra giám sát, đánh giá đầu tư dự án: Kiểm tra giám sát, đánh giá đầu tư dự án được lồng ghép với các đoàn thanh tra, kiểm tra của tỉnh cũng như kết hợp với các đợt kiểm tra, thanh tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Kế

hoạch năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum chủ trì đi kiểm tra, sảm sát dự kiến 14 dự án có quy mô đầu tư lớn và 01 chương trình kiên cố trường lớp học mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh.

5. Đánh giá chung về công tác giám sát, đánh giá đầu tư năm 2017: Nhìn chung tình hình công tác giám sát, đánh giá đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã có nhiều chuyển biến và thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định về giám sát, đánh giá đầu tư, báo cáo theo quy định tại thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế nhất định trong việc triển khai thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư như: Việc báo cáo thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư ở một số đơn vị, chủ đầu tư chưa đáp ứng được yêu cầu về thời gian, chất lượng một số báo cáo vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra...

6. Kết quả xử lý sau giám sát, đánh giá đầu tư: Không.

7. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết: Không.

IX. Các đề xuất và kiến nghị:

1. Các đề xuất về đổi mới cơ chế, chính sách, điều hành của Chính phủ, các bộ, ngành: Không có.

2. Các đề xuất về tổ chức thực hiện: Không có.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo về công tác giám sát, đánh giá tổng thể năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định./.

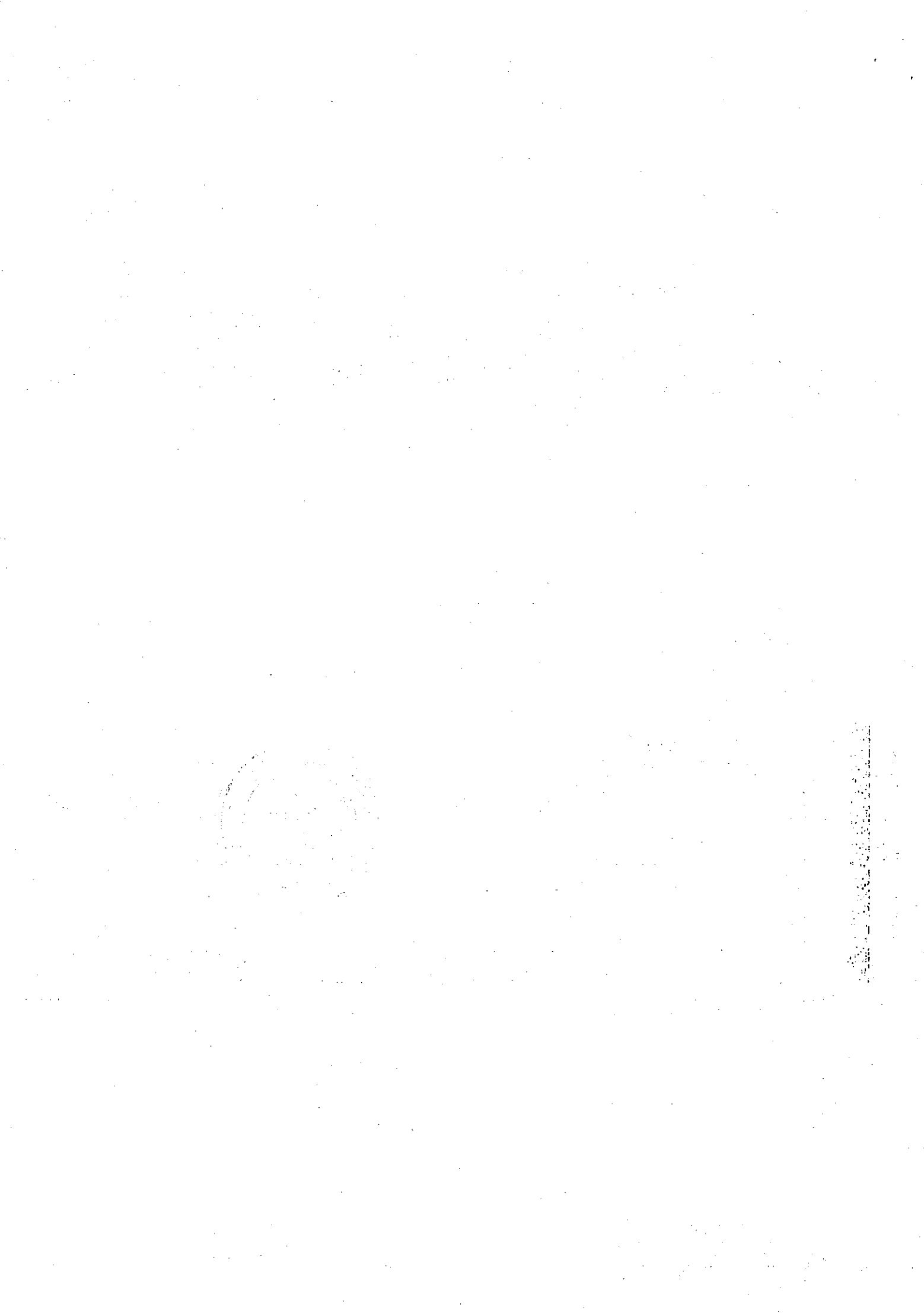
Nơi nhận: *nk*

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PVP;
- Lưu VT, KT, HTKT1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Le Ngọc Tuấn



Phụ biểu 01: Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư trong kỳ báo cáo

DVT: Tỷ đồng

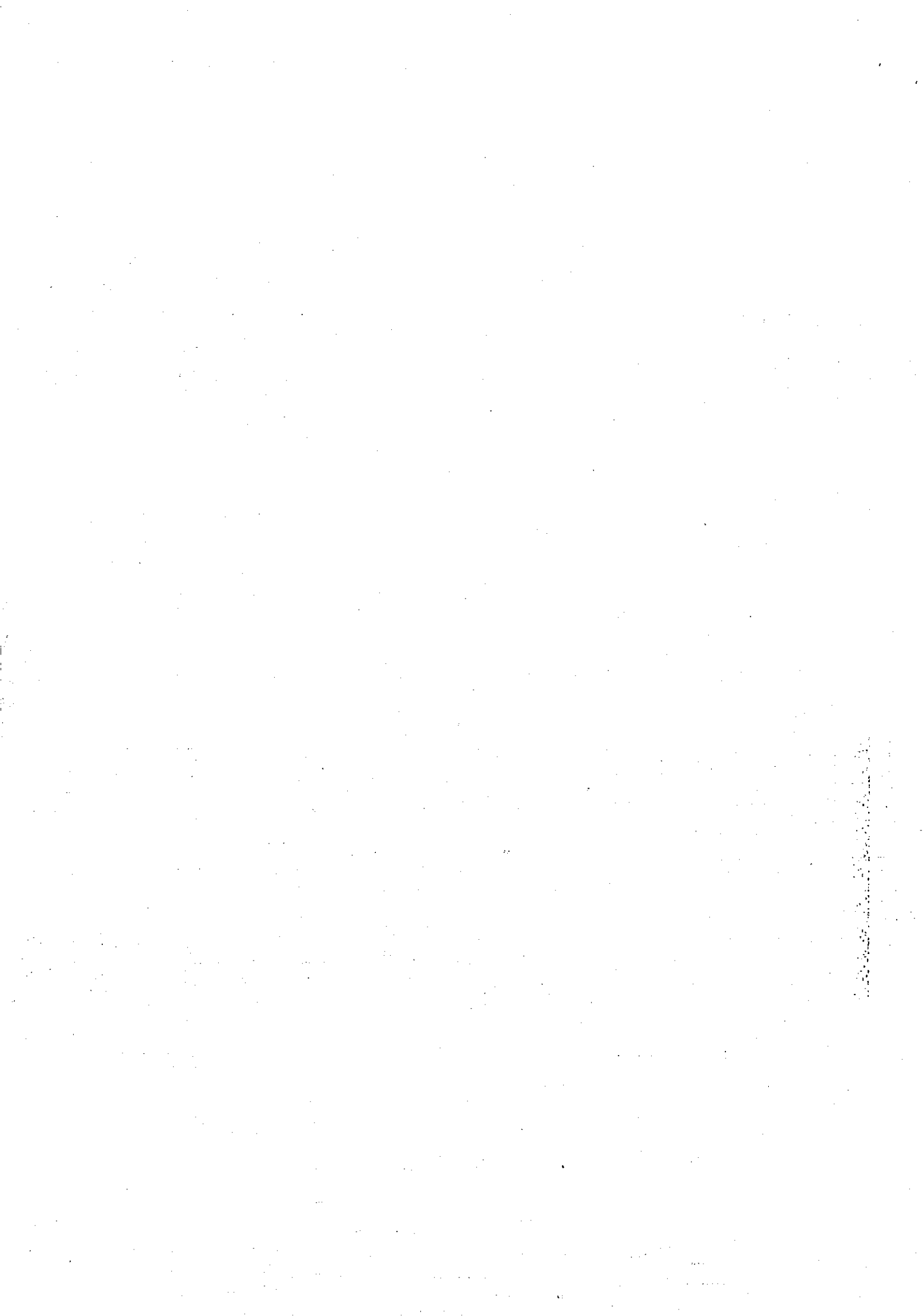
TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm	Trong đó bố trí trả nợ đọng XDCB	Nợ đọng XDCB còn lại	Tình hình thực hiện		Tình hình giải ngân đến 20/1/2018		Thất thoát, lãng phí được phát hiện
					Giá trị	so với KH (%)	Giá trị	so với KH (%)	
I	Dự án sử dụng vốn nhà nước								
1	Vốn đầu tư công	1,973.92	112.64	44.32	1,312.95	66.52	1,475.27	74.74	
1.1	Vốn NSNN	1,319.57	112.64	44.32	1,008.05	76.39	1,104.59	83.71	
a	Vốn NSTW	498.76			399.52	80.10	404.14	81.03	
b	Vốn NSDP	820.81	112.64	44.32	608.52	74.14	700.45	85.34	
1.2	Vốn ODA	186.98			105.59	56.47	119.52	63.92	
1.3	Vốn TPCP	186.58			101.59	54.45	112.40	60.24	
1.4	Vốn đầu tư công khác	280.79			97.73	34.81	138.77	49.42	
2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
3	Vốn khác								
3.1	Trong nước								
3.2	Nước ngoài								
II	Dự án đầu tư theo hình thức PPP								
1	Vốn đầu tư công tham gia (không tính vào tổng vốn đầu tư)								
2	Vốn chủ sở hữu								
2.1	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
2.2	Vốn khác (trong nước)								
2.3	Vốn khác (nước ngoài)								
3	Vốn vay								
3.1	Vốn đầu tư công								
3.2	Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công								
3.3	Vốn trong nước								
3.4	Vốn nước ngoài								
III	Dự án sử dụng nguồn vốn khác								
1	Vốn trong nước								
2	Vốn nước ngoài								

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm	Trong đó bố trí trả nợ đọng XDCB	Nợ đọng XDCB còn lại	Tình hình thực hiện		Tình hình giải ngân đến 20/1/2018		Thất thoát, lãng phí được phát hiện
					Giá trị	so với KH (%)	Giá trị	so với KH (%)	
IV	Tổng cộng								
1	Vốn đầu tư công (I.1 + II.1 + II.3.1)	1,973.92	112.64	44.32	1,312.95	66.52	1,475.27	74.74	
2	Vốn nhà nước ngoài đầu tư công (I.2 + II.2.1 + III.3.2)								
3	Vốn khác								
	- Trong nước (I.3.1 + II.2.2 + II.3.3 + III.1)								
	- Nước ngoài (I.3.2 + II.2.3 + II.3.4 + III.2)								

Phụ lục 02: Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công (do cơ quan là chủ trương trình, chủ dự án thành phần hoặc chủ đầu tư dự án)

DVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	CTMTQG	CTMT	CTMTĐP
I	Chủ chương trình			
1	Số lượng	2	11	
2	Tổng vốn kế hoạch	286.17	208.59	
3	Giá trị thực hiện	228.60	170.60	
4	Giá trị giải ngân	228.60	175.21	
II	Chủ dự án thành phần			
1	Số lượng			
2	Tổng vốn kế hoạch			
3	Giá trị thực hiện			
4	Giá trị giải ngân			
III	Chủ đầu tư dự án thuộc các chương trình			
1	Số lượng	10	18	
2	Tổng vốn kế hoạch	286.17	208.59	
3	Giá trị thực hiện	228.60	170.60	
4	Giá trị giải ngân	228.60	175.21	



Phụ biểu 03: Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án sử dụng vốn nhà nước

TT	Nội dung	Phân theo nguồn vốn										DA SD vốn NN ngoài vốn ĐTC			
		Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước					Dự án đầu tư công								
		Dự án sử dụng NSTW					TPCP	ODA	NSĐP	Vốn ĐTC Khác					
		Tổng số	A	B	C	Tổng số					A		B	C	
I	Chuẩn bị đầu tư														
1	Chủ trương đầu tư														
a	Số dự án có kế hoạch chuẩn bị chủ trương đầu tư trong kỳ	113	0	10	103	8	4	4	75			21	9		
b	Số dự án được thẩm định/chủ trương trong kỳ	113	0	10	103	8	4	4	75			21	9		
c	Số dự án có quyết định chủ trương trong kỳ	113	0	10	103	8	4	4	75			21	9		
2	Quyết định đầu tư														
a	Số dự án có kế hoạch lập BCNCKT trong kỳ	219	0	13	206	65	2	63	17	22	115				
b	Số dự án được thẩm định trong kỳ	219	0	13	206	65	2	63	17	22	115				
c	Số dự án có quyết định đầu tư trong kỳ	218	0	13	205	64	2	62	17	22	115				
II	Thực hiện đầu tư														
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	218	0	13	205	69	0	67	17	22	126				
a	Số dự án chuyển tiếp	15	0	13	2	4	0	2	3	1	7				
b	Số dự án khởi công mới trong kỳ	203	0	0	203	65	0	65	14	21	119				
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trong kỳ	170		13	153	65		63	17	22	66				
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ (do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)	21		3	18	10		8	5	6					
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ	31	2	11	18	13	5	8	5	2	11				
5	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ														
a	Không phù hợp với quy hoạch														
b	Phê duyệt không đúng thẩm quyền														

TT	Nội dung	Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước					Phân theo nguồn vốn									
		Tổng số	A	B	C	Tổng số	Dự án sử dụng NSTW			TPCP	ODA	NSDP	Vốn DTC khác	DA S vốn h ngoại vốn Đ		
							A	B	C							
c	Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm tra, thẩm định dự án															
6	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)															
7	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ (sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)															
a	Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện															
b	Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định															
8	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ	5														
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư	2			2	2				2						
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng	3		2	1	3		2	1							
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu	0				0										
d	Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời					0										
đ	Số dự án chậm do các nguyên nhân khác					0										
9	Số dự án phải điều chỉnh trong kỳ	15	0	7	8	4	0	2	2		3	1				
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư	1			1							1				
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư	0				0										
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư	0				0										
d	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác	15	0	7	8	7	0	7	0		0	1				
10	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau															
11	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ															

TT	Nội dung	Phân theo nguồn vốn										DA SD vốn NN ngoài vốn ĐTC		
		Tổng cộng các dự án sử dụng vốn nhà nước					Dự án đầu tư công						Vốn ĐTC khác	
		Tổng số	A	B	C	Tổng số	A	B	C	TPCP	ODA			NS ĐP
a	Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ	703	-	-	703	115			115	104	56	428		
-	Chỉ định thầu	571			571	80			80	69	44	378		
-	Đấu thầu hạn chế	5			5	5			5	0	0	0		
-	Đấu thầu rộng rãi	74			74	25			25	14	5	30		
-	Hình thức khác	53			53	5			5	21	7	20		
b	Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ													
-	Đấu thầu không đúng quy định													
-	Ký hợp đồng không đúng quy định													
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng													
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ	148		2	146	22			22	5	6	115		
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán	31		1	30	7			7	2	2	20		
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ	112		1	111	15			15	3	4	90		
4	Tình hình khai thác vận hành	0				0			0					
a	Số dự án đã đưa vào vận hành	127		1	126	15			15	3	4	105		
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)	0				0			0	0	0	0		
c	Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ	92		2	90	10			10	3	4	75		



Phụ biểu 04: Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư theo hình thức PPP trong kỳ

TT	Nội dung	Tổng số	Phân theo nhóm		
			A*	B	C
I	Chuẩn bị đầu tư				
1	Danh mục dự án				
a	Số dự án thực hiện thủ tục đề xuất đầu tư				
	- Do cơ quan nhà nước đề xuất				1
	- Do nhà đầu tư đề xuất				
b	Số dự án được phê duyệt đề xuất, công bố				
2	Số dự án có quyết định đầu tư				
3	Số dự án hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư				
	- Chỉ định nhà đầu tư:				
	- Đấu thầu rộng rãi:				
4	Số dự án được cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư				
5	Số dự án được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư				
6	Số dự án hoàn tất các thủ tục Hợp đồng dự án				
II	Thực hiện đầu tư				
1	Số dự án thực hiện đầu tư			1	
a	Số dự án chuyển tiếp			1	
b	Số dự án khởi công mới				
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định				
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra (do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)				
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá				
5	Số dự án có vi phạm quy định về thủ tục đầu tư, quản lý chất lượng được phát hiện				
6	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện (sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán)				
a	Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện				
b	Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định				
7	Số dự án chậm tiến độ				
a	Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư				
b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng				
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của Nhà đầu tư, nhà thầu				
d	Số dự án chậm tiến độ do nguyên nhân khác				
8	Số dự án phải điều chỉnh				
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư				
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư				

TT	Nội dung	Tổng số	Phân theo nhóm		
			A*	B	C
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư				
d	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác				
9	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau				
III	Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng				
1	Số dự án kết thúc đầu tư				
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán				
3	Số dự án được quyết toán				
4	Tình hình khai thác vận hành				
a	Lũy kế số dự án đã đưa vào vận hành				
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật.				
c	Số dự án đã đưa vào sử dụng nhưng hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả (nếu có)				

Phụ biểu 05: Tình hình thực hiện giám sát đầu tư các dự án sử dụng các nguồn vốn khác

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Dự án FDI			Dự án trong nước		
			(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Số dự án nộp thủ tục xin chủ trương đầu tư	72.0			1		71	
2	Số dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư	46.0			1		45	
3	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ	3.0			1		2	
4	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trong kỳ	8.0			3		5	
5	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	9.0					9	
-	Dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư							
-	Dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	9.0					9	
6	Vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng):	47,477.6			1,435.9		46,041.742	
a	Lũy kế tổng vốn đăng ký đầu tư	43,595.2			1,412.0		42,183.2	
b	Tổng số vốn đăng ký đầu tư tăng thêm trong kỳ	3,882.4			23.9		3,858.5	
-	Dự án đăng ký mới	1,211.0			10.0		1,201.0	
-	Dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn đầu tư	2,671.4			13.9		2,657.5	
7	Vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng):							
a	Lũy kế tổng vốn đầu tư thực hiện							
b	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ							
-	Vốn chủ sở hữu							
-	Vốn vay							
-	Vốn huy động hợp pháp khác							
8	Số dự án đã được kiểm tra, đánh giá trong kỳ							
9	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý đầu tư được phát hiện trong kỳ							
10	Số dự án có vi phạm quy định về bảo vệ môi trường được phát hiện trong kỳ							
11	Số dự án có vi phạm quy định về sử dụng đất đai được phát hiện trong kỳ							
12	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý tài nguyên được phát hiện trong kỳ							
13	Số dự án phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ	1			1			
14	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ							
15	Số dự án đưa vào khai thác vận hành trong kỳ	9					9	
a	Số dự án có lợi nhuận							
b	Tình hình nộp ngân sách (tỷ đồng)							

Ghi chú: (1): Dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư trở lên; (2): Dự án do địa phương quyết định chủ trương; (3): Dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư.

